TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HS-ST
Ngày: 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Vũ- Cán bộ hưu trí

2. Bà Phạm Thị Chiến- Bí thư Huyện đoàn Ba Tơ;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 15/3/2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa hình sự số 282/TB-TA ngày 11/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHAN NGỌC V**- Sinh ngày 18 tháng 03 năm 2005; tại: xã B, huyện B, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; CCCD số: 051205012354, ngày cấp: 10/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH- Bộ Công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn H và con bà: Hồ Thị Mỹ C; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, địa chỉ trụ sở: Lô 6, đường Cụm công nghiệp T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H- Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Cẩm B - sinh năm 1993; địa chỉ: Đường 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chị Phạm Thị T- sinh năm 1997; địa chỉ: Hẻm 2, Trần L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(*Đại diện cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2023, Phan Ngọc V kí hợp đồng học nghề với Công ty trách nhiệm hữu hạn M, địa chỉ trụ sở: Lô 6, đường Cụm công nghiệp T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, thời hạn từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 01/03/2023, có địa điểm kinh doanh Bưu cục B - 255D02, địa chỉ số 37 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nhiệm vụ của Phan Ngọc V là đến Bưu cục B - 255D02 để kí giao nhận hàng từ nhân viên điều phối bà Lê Thị Cẩm B và bà Phạm Thị T, sau đó tiến hành đi giao hàng và thu tiền theo hóa đơn của khách hàng. Đối với đơn hàng đã giao thành công và không giao được trong ngày thì Phan Ngọc V sẽ báo cáo lên hệ thống ứng dụng giao hàng của Công ty (mỗi nhân viên giao hàng sẽ được cấp tài khoản, mật khẩu để đăng nhập) để Công ty quản lý hàng đã giao thành công hoặc số đơn hàng chưa giao được "Đơn hàng kiện vấn đề". Đến cuối ngày, Phan Ngọc V phải về nộp lại những đơn hàng chưa giao được và bàn giao tiền thu từ đơn hàng cho nhân viên Bưu cục. Tuy nhiên, đến cuối ngày Phan Ngọc V không thực hiện theo đúng quy định trên mà tiếp tục giữ lại một số đơn hàng cùng tiền thu được của khách hàng nhằm chiếm đoạt, sử dụng mục đích cá nhân, với phương thức thực hiện là sau khi giao hàng thành công và đã thu tiền nhưng vẫn báo lên hệ thống "Đơn hàng kiện vấn đề" (hàng chưa giao được). Cụ thể như sau:

Ngày 15/3/2023, Phan Ngọc V đến Bưu cục B - 255D02 nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng. Trong ngày này, Phan Ngọc V đã giao thành công nhiều

đơn hàng, trong đó V lấy tiền thu từ 02 (hai) đơn hàng của bà Lê Thị Lệ C, ở thôn T, xã B, huyện B với số tiền là 2.900.000 đồng (mã vận đơn là 842191111185) và ông Phạm Văn N, ở thôn Đ, xã B, huyện B với số tiền 891.100 đồng (mã vận đơn là 812148843386), tổng số tiền là 3.791.100 đồng nhưng đến cuối ngày V báo lên hệ thống "Đơn hàng kiện vấn đề" để không giao nộp tiền về Công ty. Số tiền trên, V chiếm đoạt nhằm sử dụng tiêu xài cho cá nhân.

Ngày 16/3/2023, V tiếp tục đến Bưu cục nhận hàng đi giao cho khách hàng. Trong ngày này, Phan Ngọc V đã giao thành công nhiều đơn hàng, trong đó V lấy tiền của 03 (ba) đơn hàng của ông Nguyễn Thành L, ở thôn P, xã B, huyện B với số tiền là 1.650.300 đồng (mã vận đơn là 842191587911); ông Lê Văn M, ở thôn L, xã B, huyện B, với số tiền là 645.000 đồng (mã vận đơn là 802091323716); ông Phạm Văn Đ ở thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, với số tiền 540.000 đồng (mã vận đơn là 842191213552), tổng cộng số tiền là 2.835.000 đồng. Sau đó báo lên hệ thống "Đơn hàng kiện vấn đề" là chưa giao được cho khách hàng. Số tiền trên, V không chiếm đoạt mà sử dụng để trả lại đơn hàng số tiền 2.900.000 đồng của ngày 15/3/2023 mà V đã chiếm đoạt (V nộp bù thêm số tiền 65.000 đồng).

Ngày 17/3/2023, V tiếp tục đến Bưu cục nhận hàng đi giao cho khách hàng. Trong ngày này, Phan Ngọc V đã giao thành công nhiều đơn hàng, trong đó V lấy tiền thu từ 01 đơn hàng của bà Trần Lê Xuân Q ở thôn T, xã B, huyện B (mã vận đơn là 842191485546), số tiền là 4.159.000 đồng nhằm mục đích để trả cho đơn hàng cũ có tổng số tiền là 2.076.100 đồng (đơn hàng có số tiền 891.100 đồng ngày 15/3/2023; 645.000 đồng và 540.000 đồng ngày 16/3/2023). Số tiền chênh lệch còn dư là 2.082.900 đồng, V không giao nộp về Công ty mà chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân.

Ngày 18/3/2023, V tiếp tục đến Bưu cục nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng. Trong ngày này, Phan Ngọc V đã giao thành công nhiều đơn hàng, trong đó V lấy tiền thu từ 01 đơn hàng của bà Nguyễn Thị S, ở thôn C, xã B, huyện B, với số tiền là 1.400.000 đồng (mã vận đơn là 842191794804) nhưng V không giao nộp về Công ty mà báo lên hệ thống "Đơn hàng kiện vấn đề" và chiếm đoạt số tiền này mục đích sử dụng cho cá nhân.

Ngày 19/3/2023, V tiếp tục đến Bưu cục nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng. Trong ngày này, Phan Ngọc V đã giao thành công nhiều đơn hàng, trong đó V lấy tiền thu từ 03 đơn hàng của bà Bùi Như Q, ở Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B với số tiền là 1.435.000 đồng (mã vận đơn là 842192155280); ông Phạm Văn L ở thôn H, xã B, huyện B với số tiền 1.560.300 đồng (mã vận đơn là JNTMP0014927441VNA) và ông Phạm Văn D, ở thôn B, xã B, huyện B với số tiền 116.128 đồng (mã vận đơn là JNTMP0014911947VNA), tổng cộng số tiền là

3.111.428 đồng. Tuy nhiên, Phan Ngọc V báo lên hệ thống "Đơn hàng kiện vấn đề" và sử dụng số tiền này để trả lại 02 đơn hàng số tiền lần lượt là 1.650.000 đồng ngày 16/3/2023 và 1.400.000 đồng ngày 18/03/2023, tổng cộng là 3.050.000 đồng mà V đã lấy trước đó. Số tiền chênh lệch là 61.428 đồng V giữ lại tiêu xài cho cá nhân.

Ngày 20/3/2023, V tiếp tục đến Bưu cục nhận hàng đi giao. Trong ngày này, V đã lấy 26 đơn hàng của Phạm Thị C, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Phương D, Phạm Văn K, Bùi Văn M, Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Thị L, Phạm Thị Ngọc C, Nguyễn Thị Q, Lê Thị Ánh N, Tăng Thị Kim T, Nguyễn Thị Bích L, Phạm Thị Minh Đ, Bùi Thị Ngọc T, Phạm Thị H, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Ánh D, Trần Thị Minh T, Đinh Thị Hồng N, Phan Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh T, Phạm Thị S với tổng số tiền là 4.764.800 đồng. Số tiền trên, V chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 21/3/2023, V nhận số tiền 460.000 đồng từ khách hàng bà Huỳnh Thị Thu H (giao hàng ngày 20/03/2023 nhưng chưa thanh toán phí) qua tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1029279304 của Phan Ngọc V nhưng cũng không nộp về Công ty. Số tiền này V sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Như vậy, từ ngày 15/3/2023 đến ngày 21/3/2023 với phương thức thủ đoạn nêu trên, Phan Ngọc V đã chiếm đoạt tiền các đơn hàng của Công ty T với tổng số tiền là 12.560.228 đồng (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi tám đồng), trong đó có 03 (ba) lần V thực hiện hành vi chiếm đoạt có số tiền trên 2.000.000 đồng là ngày 15/3/2023 số tiền 3.791.100 đồng, ngày 17/3/2023 số tiền 2.082.900 đồng và ngày 20/3/2023 số tiền 4.764.800 đồng. Số tiền trên, V sử dụng để trả nợ và tiêu xài cho cá nhân.

Riêng đối với đơn hàng của bà Phạm Thị P, ở thôn H, xã B, huyện B và bà Trần Thị Thu T, ở thôn T, xã B, huyện B tổng số tiền 142.005 đồng mà bị cáo đã giao nhưng chưa thu tiền. Bà P, bà T tự nguyện thanh toán tiền xong cho Công ty T. Ngoài ra, còn 01 đơn hàng của bà Nguyễn Thị T, ở thôn T, xã B, huyện B, có giá trị 99.000 đồng thì bị cáo chưa giao cho bà T, trong lúc để tại nhà ở của mình thì con gái của Đinh Thị Mỹ H (bạn gái sống cùng nhà với V) đã mở gói hàng này ra sử dụng, sau đó, V tự nguyện khắc phục thay cho bà H số tiền trên.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Phan Ngọc V khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động VSMART Joy 4; IMEI 1: 351088463645416; IMEI 2: 351088463645424.

Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho phía bị hại với tổng số tiền là 12.594.228 đồng (trong đó, bị cáo tự nguyện khắc

phục thay bà Đinh Thị Mỹ H số tiền 99.000 đồng). Ngoài ra, bà Phạm Thị P giao nộp số tiền 32.005 đồng và bà Trần Thị Thu T giao nộp số tiền 110.000 đồng. Tổng số tiền Công ty T đã nhận là 12.736.233 đồng. Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 30/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phan Ngọc V về tội "Tham ô tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc V phạm tội "Tham ô tài sản".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Ngọc V từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Các bên đã thỏa thuận bồi thường xong nên đề nghị miễn xét.

Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động VSMART Joy 4; IMEI 1: 351088463645416; IMEI 2: 351088463645424 là tài sản cá nhân của bị cáo Phan Ngọc V sử dụng để liên lạc hằng ngày và truy cập ứng dụng hệ thống quản lý đơn hàng của Công ty, bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Phan Ngọc V và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chứng cứ phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và phù hợp với chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phan Ngọc V là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tháng 03 năm 2023, bị cáo làm việc tại Công ty T (doanh nghiệp ngoài Nhà nước), giao công việc cụ thể là thông qua tài khoản công ty cấp để truy cập ứng dụng giao hàng và được Công ty chi trả lương hàng tháng. Bị cáo được Công ty giao nhiệm vụ giao hàng và quản lý tiền sau khi thu của khách hàng nộp về Công ty, nếu không giao được phải trả đơn hàng về kho tại địa điểm kinh doanh Ba Tơ số 37 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đối với tiền thu được thì cuối ngày bắt buộc nộp về Công ty. Tuy nhiên, từ ngày 15/03/2023 đến ngày 21/03/2023 bị cáo đã giao 36 đơn hàng và thu cước phí nhưng đến cuối ngày không nộp tiền về Công ty mà dùng thủ đoạn gian dối báo lên hệ thống ứng dụng quản lý giao nhận hàng là "Đơn hàng kiện vấn đề" nhằm chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân với tổng số tiền là 12.560.228đ *(mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi tám đồng)*, trong đó có 03 (ba) lần V thực hiện hành vi chiếm đoạt có số tiền trên 2.000.000 đồng là ngày 15/3/2023 số tiền 3.791.100 đồng, ngày 17/3/2023 số tiền 2.082.900 đồng và ngày 20/3/2023 số tiền 4.764.800 đồng.

Như vậy, tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên Phan Ngọc V là người có chức vụ do một hình thức khác, cụ thể: tại khoản 2, Điều 352 Bộ luật Hình sự quy định "2. Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ"; Căn cứ khoản 5, Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định "5. "Do một hình thức khác" quy định tại khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình sự là trường hợp không phải do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng nhưng được giao thực hiện nhiệm vụ và có quyền hạn trong khi thực

hiện nhiệm vụ đó". Do đó, bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, lợi dụng quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý. Hành vi của Phan Ngọc V đủ yếu tố cấu thành tội phạm Tham ô tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã chủ động bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền là 12.594.228 đồng và được đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 15/3/2023 đến ngày 17/3/2023, bị cáo chưa đủ 18 tuổi và sau đó mới đủ 18 tuổi, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[2.5] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng 01 (một) điện thoại di động VSMART Joy 4; IMEI 1: 351088463645416; IMEI 2: 351088463645424 (không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong máy).

[2.6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc V phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phan Ngọc V 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về dân sự: Các bên đã thỏa thuận bồi thường xong nên miễn xét.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả cho bị cáo Phan Ngọc V quản lý, sử dụng: 01 (một) điện thoại di động VSMART Joy 4; IMEI 1: 351088463645416; IMEI 2: 351088463645424 (không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong máy).

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2024 giữa Công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ).

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc bị cáo Phan Ngọc V phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Phan Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2024). Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan